

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SÓ
KIẾN THIẾT BẠC LIÊU**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Chủ tịch Công ty	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9 - 10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 23

3532
ÔNG
NHIỆM
THÂN
Ổ KIẾ
ẠC
LIÊU

3775
HINH
NG T
EM
AO
NG

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

1. Chủ tịch công ty

Chủ tịch Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Bà Nguyễn Ngọc Thúy

Chức vụ

Chủ tịch Công ty, bổ nhiệm ngày 08/01/2015

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Phan Chí Quang

Chức vụ

Kiểm soát viên, bổ nhiệm lại ngày 08/01/2015

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Bà Nguyễn Ngọc Thúy

- Ông Nguyễn Văn Truyền

- Ông Nguyễn Minh Hải Dương

Chức vụ

Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 02/03/2018

Giám đốc, bổ nhiệm ngày 02/07/2018

Phó Tổng Giám đốc

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở hoạt động của Công ty tại số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hoạt động xổ số kiến thiết.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chủ tịch công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chủ tịch công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty



Nguyễn Ngọc Thúy

Chủ tịch Công ty

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 02 năm 2019



Số: 17/2019/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu ("Công ty"), được lập ngày 19 tháng 02 năm 2019, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do Công ty chưa được xếp loại doanh nghiệp năm 2018 nên Công ty tạm phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Công ty sẽ điều chỉnh lại việc phân phối lợi nhuận năm 2018 ngay sau khi được kết quả xếp loại doanh nghiệp.
- Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn vào ngày 31/12/2018 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 91.351.871.167 đồng, đáo hạn tháng 12/2014 và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Á, Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 24.500.365.776 đồng, do có liên quan đến vụ án chiếm dụng vốn của ngân hàng và đang chờ cơ quan pháp luật điều tra và xét xử. Cuối năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 110.848.052.922 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga, Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2018-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Quang Nhơn, Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

3532
ONG
NHIỆM
THÀNH
SỐ KIẾ
ACI
LIÊU

57
HIN
NG
KIẾ
AO
ING

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.228.639.317.101	1.127.591.876.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	328.881.796.684	330.987.036.509
1. Tiền	111		328.881.796.684	330.987.036.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	719.574.510.846	643.740.766.964
1. Đầu tư ngắn hạn	121		719.574.510.846	643.740.766.964
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	177.157.419.452	148.167.172.356
1. Phải thu khách hàng	131		151.617.813.269	120.697.552.131
2. Trả trước cho người bán	132		1.270.445.765	1.195.445.765
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135		135.353.267.413	107.274.174.460
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(111.084.106.995)	(81.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	3.025.590.119	4.696.900.867
1. Hàng tồn kho	141		3.025.590.119	4.696.900.867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.228.505.128	28.246.289.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.930.384.975	25.023.906.299
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	20.267.996.225	23.268.424.549
Nguyên giá	222		46.751.596.961	46.136.842.758
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.483.600.736)	(22.868.418.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.662.388.750	1.755.481.750
Nguyên giá	228		1.896.600.000	1.896.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(234.211.250)	(141.118.250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	3.202.980.000	3.202.980.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.202.980.000	3.202.980.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.8	95.140.153	19.403.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		95.140.153	19.403.408
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.253.867.822.229	1.155.838.166.403

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		771.087.822.229	673.058.166.403
I. Nợ ngắn hạn	310		513.660.074.440	431.964.528.272
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.9	3.327.808.861	1.771.795.955
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	414.025.142.757	355.871.639.983
5. Phải trả người lao động	315		1.129.381.441	1.896.591.347
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.929.798	69.951.040
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	V.12	93.488.495.000	70.409.200.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.687.316.583	1.945.349.947
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		257.427.747.789	241.093.638.131
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	257.427.747.789	241.093.638.131
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		482.780.000.000	482.780.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	482.780.000.000	482.780.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		482.780.000.000	482.780.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.253.867.822.229	1.155.838.166.403

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (xóa ngày 31/12/2014)		6.578.720.096	6.578.720.096
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		-	-
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		-	-
7. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		-	-

Phan Thị Yến Nhi
Người lập biểu

Phan Võ Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Thúy
Chủ tịch Công ty
Lập ngày 19 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	3.501.067.643.636	2.969.767.254.547
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số:	01.1		3.499.765.263.636	2.968.777.254.546
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		3.499.765.263.636	2.968.777.254.546
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		-	-
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		-	-
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		-	-
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5		-	-
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		1.302.380.000	990.000.001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	456.491.121.343	387.231.815.810
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số:	02.1		456.491.121.343	387.231.815.810
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		456.491.121.343	387.231.815.810
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		-	-
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		-	-
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		-	-
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5		-	-
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
3. Doanh thu thuần	10		3.044.576.522.293	2.582.535.438.737
3.1. Doanh thu kinh doanh xổ số:	10.1		3.043.274.142.293	2.581.545.438.736
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		3.043.274.142.293	2.581.545.438.736
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		-	-
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		-	-
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		-	-
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5		-	-
3.2. Doanh thu kinh doanh khác	10.2		1.302.380.000	990.000.001
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.3	2.537.278.605.264	2.135.746.834.301
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		2.537.278.605.264	2.135.746.834.301
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		1.924.870.895.000	1.616.153.700.000
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		612.407.710.264	519.593.134.301
4.2. Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
5. Lợi nhuận gộp	20		507.297.917.029	446.788.604.436
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		505.995.537.029	445.798.604.435
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động BH và CCDV	20.2		1.302.380.000	990.000.001

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	35.203.136.342	32.725.115.389
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	103.672.344.790	94.538.507.085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		438.828.708.581	384.975.212.740
11. Thu nhập khác	31	VI.6	346.905.458	299.362.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	134.580.363	4.914.591.500
13. Lợi nhuận khác	40		212.325.095	(4.615.229.500)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		439.041.033.676	380.359.983.240
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	87.682.571.735	77.039.903.093
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		351.358.461.941	303.320.080.147

Phan Thị Yến Nhi
Người lập biểu**Phan Võ Anh Thư**
Kế toán trưởng**Nguyễn Ngọc Thúy**
Chủ tịch Công ty
Lập ngày 19 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.301.702.180.187	2.815.977.433.049
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.988.934.918.050)	(1.720.080.299.603)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.352.856.603)	(13.658.270.833)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(378.779.599.101)	(403.751.430.461)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		121.415.081.416	109.387.948.974
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(944.452.086.198)	(900.000.202.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		93.597.801.651	(112.124.821.446)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(763.931.818)	(908.435.095)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(831.963.178.042)	(855.890.401.188)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		737.024.068.384	769.935.873.896
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	31.306.977.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(95.703.041.476)	(55.555.984.502)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.105.239.825)	(167.680.805.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	330.987.036.509	498.667.842.457
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	328.881.796.684	330.987.036.509



Phan Thị Yến Nhi
Người lập biểu



Phan Võ Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Thúy
Chủ tịch Công ty
Lập ngày 19 tháng 02 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bạc Liêu là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 1900135322 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2010 và đăng ký lần thứ 3 ngày 11/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 482.780.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là: 482.780.000.000.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hoạt động xổ số kiến thiết.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Loại TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 6 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3 năm
- TSCĐ vô hình	3 năm

5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác***

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Công ty trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài Chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài Chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Đối với hoạt động kinh doanh vé số: Doanh thu bán vé số được ghi nhận căn cứ trên số lượng vé số đã tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

Đối với hoạt động khác: Doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Chi phí tiền lương

Công ty ghi nhận chi phí tiền lương trong năm theo Quyết định số 47/QĐ/XSKT ngày 12/10/2018 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt lương kế hoạch, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương người quản lý năm 2018: 2.003.400.000 đồng.
- Quỹ tiền lương người lao động năm 2018: 14.001.309.216 đồng.

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	14.158.630.978	10.455.085.973
Tiền gửi ngân hàng	314.723.165.706 (a)	320.531.950.536
Cộng	<u>328.881.796.684</u>	<u>330.987.036.509</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng	314.723.165.706	320.531.950.536
Cộng	<u>314.723.165.706</u>	<u>320.531.950.536</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	719.574.510.846 (b)	643.740.766.964
Cộng	<u>719.574.510.846</u>	<u>643.740.766.964</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

(b) Chi tiết số dư khoản đầu tư ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền gửi VND có kỳ hạn trên 3 tháng - Công ty		504.000.000.000		420.000.000.000
- Tiền gửi VND có kỳ hạn trên 3 tháng - Đại lý vé số (*)		215.574.510.846		223.740.766.964
Cộng		719.574.510.846		643.740.766.964

(*) Đây là số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng nguồn tiền thế chấp của các đại lý vé số. Lãi tiền gửi có kỳ hạn từ số tiền thế chấp này Công ty sẽ hoàn trả cho các đại lý vé số.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	151.617.813.269 (c)	120.697.552.131
Trả trước cho người bán	1.270.445.765 (d)	1.195.445.765
Các khoản phải thu khác	135.353.267.413 (e)	107.274.174.460
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(111.084.106.995) (f)	(81.000.000.000)
Cộng	177.157.419.452	148.167.172.356

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các đại lý vé số	151.617.813.269	120.697.552.131
Cộng	151.617.813.269	120.697.552.131

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP In Bạc Liêu	910.000.000	910.000.000
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Bạc Liêu	108.695.765	108.695.765
- Văn phòng luật sư Việt Chương	100.000.000	100.000.000
- Các nhà cung cấp khác	151.750.000	76.750.000
Cộng	1.270.445.765	1.195.445.765

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	200.000.000	-
- Sở Tài nguyên và Môi trường Bạc Liêu	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Công nghệ và TT Vietnamnet	-	221.000.000
- Tiền gửi tại NH Quốc Dân (vụ án)	91.352.871.167 (*)	91.352.871.167
- Tiền gửi tại NH Việt Á (vụ án)	24.500.365.776 (*)	-
- Hợp tác xã xây dựng Minh Phú	472.108.145	472.108.145
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.681.895.435	224.750.000
- Phải thu khác	146.026.890	3.445.148
Cộng	135.353.267.413	107.274.174.460

(*) Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 110.848.052.922 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

(f) Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	472.108.145	50%	236.054.073
- Nợ quá hạn trên 3 năm	115.853.236.943	96%	110.848.052.922
Cộng			111.084.106.995

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hoá	1.512.612.395 (g)	3.476.071.962
Vé xổ số	1.512.977.724 (h)	1.220.828.905
Cộng	3.025.590.119	4.696.900.867

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(g) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giấy in các loại	1.512.612.395	3.476.071.962
Cộng	1.512.612.395	3.476.071.962

(h) Chi tiết số dư vé xổ số như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vé số chưa quay mở thưởng	1.512.977.724	1.220.828.905
Cộng	1.512.977.724	1.220.828.905

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	46.136.842.758	1.087.824.567	473.070.364	46.751.596.961
- Nhà cửa, vật kiến trúc	30.895.445.464	323.892.749	-	31.219.338.213
- Máy móc thiết bị	6.788.241.101	-	-	6.788.241.101
- PT vận tải, TB truyền dẫn	6.618.429.079	716.341.818	473.070.364	6.861.700.533
- Thiết bị quản lý	1.834.727.114	47.590.000	-	1.882.317.114
Hao mòn lũy kế	22.868.418.209	4.088.252.891	473.070.364	26.483.600.736
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.767.439.644	1.995.798.255	-	12.763.237.899
- Máy móc thiết bị	5.666.412.476	1.074.003.278	-	6.740.415.754
- PT vận tải, TB truyền dẫn	4.907.748.977	856.515.714	473.070.364	5.291.194.327
- Thiết bị quản lý	1.526.817.112	161.935.644	-	1.688.752.756
Giá trị còn lại	23.268.424.549			20.267.996.225
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.128.005.820			18.456.100.314
- Máy móc thiết bị	1.121.828.625			47.825.347
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.710.680.102			1.570.506.206
- Thiết bị quản lý	307.910.002			193.564.358

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 15.506.996.829
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Tài sản tăng do đầu tư XD CB
 - Tài sản tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ
- Cộng**

Số tiền

323.892.749

763.931.818

1.087.824.567

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Khấu hao trong năm
- Cộng**

Số tiền

4.088.252.891

4.088.252.891**6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	1.896.600.000	-	-	1.896.600.000
- Quyền sử dụng đất	1.623.600.000	-	-	1.623.600.000
- Phần mềm kế toán	273.000.000	-	-	273.000.000
Hao mòn lũy kế	141.118.250	93.093.000	-	234.211.250
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	141.118.250	93.093.000	-	234.211.250
Giá trị còn lại	1.755.481.750			1.662.388.750
- Quyền sử dụng đất	1.623.600.000			1.623.600.000
- Phần mềm kế toán	131.881.750			38.788.750

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

- Khấu hao trong năm
- Cộng**

Số tiền

93.093.000

93.093.000**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	3.202.980.000 (i)		3.202.980.000
Cộng	3.202.980.000		3.202.980.000

(i) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP In Bạc Liêu	12.542	1.442.330.000	12.542	1.442.330.000
Công ty CP Du lịch Bạc Liêu	167.150	1.760.650.000	167.150	1.760.650.000
Cộng		3.202.980.000		3.202.980.000

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	95.140.153 (j)		19.403.408
Cộng	95.140.153		19.403.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị công cụ dụng cụ còn phân bổ	67.232.953	19.403.408
- Tiền thuê đất	27.907.200	-
Cộng	95.140.153	19.403.408

9. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Giấy Phùng Vĩnh Hưng	-	1.771.795.955
- Công ty TNHH Đầu tư SXTM Giấy Thịnh Phát	3.327.808.861	-
Cộng	3.327.808.861	1.771.795.955

10. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT phải nộp	21.653.415.268	346.867.693.815	340.855.965.605	27.665.143.478
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.927.575.889	456.491.121.343	461.370.647.825	24.048.049.407
- Thuế TNDN	295.508.733.473	435.090.523.136	378.779.599.101	351.819.657.508
- Thuế thu nhập cá nhân	1.874.980.816	29.631.433.327	29.163.421.949	2.342.992.194
- Thuế nhà đất, thuế đất	(22.000)	1.834.105.280	1.834.083.280	-
- Các loại thuế khác	7.851.893.790	101.204.736.580	100.907.330.200	8.149.300.170
Cộng	355.871.639.983	1.371.119.613.481	1.312.966.110.707	414.025.142.757

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	1.929.798	69.951.040
Cộng	1.929.798	69.951.040

12. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng rủi ro trả thưởng	93.488.495.000	70.409.200.000
Cộng	93.488.495.000	70.409.200.000

13. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của đại lý vé số	221.531.520.160 (k)	217.518.795.825
- Phải trả tiền lãi cho đại lý	35.896.227.629	23.574.842.306
Cộng	257.427.747.789	241.093.638.131

(k) Chi tiết số dư nhận ký quỹ, ký cược dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ của các Đại lý vé số	221.531.520.160	217.518.795.825
Cộng	221.531.520.160	217.518.795.825

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

<u>Khoản mục</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	482.780.000.000	-	-	482.780.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	55.062.747	-	55.062.747	-
LN sau thuế chưa phân phối	-	310.320.080.147	310.320.080.147	-
Cộng	482.835.062.747	310.320.080.147	310.375.142.894	482.780.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	482.780.000.000	-	-	482.780.000.000
LN sau thuế chưa phân phối	-	351.383.461.941	351.383.461.941	-
Cộng	482.780.000.000	351.383.461.941	351.383.461.941	482.780.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xổ số truyền thống	3.499.765.263.636	2.968.777.254.546
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	658.181.818	990.000.001
- Doanh thu kinh doanh khác	644.198.182	-
Cộng	3.501.067.643.636	2.969.767.254.547

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Thuế tiêu thụ đặc biệt - xổ số truyền thống	456.491.121.343	387.231.815.810
Cộng	456.491.121.343	387.231.815.810

3. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí trả thưởng	1.924.870.895.000	1.616.153.700.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	612.407.710.264	519.593.134.301
Cộng	2.537.278.605.264	2.135.746.834.301

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	34.574.961.342	32.241.937.389
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	628.175.000	483.178.000
Cộng	35.203.136.342	32.725.115.389

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	17.478.560.027	16.286.733.180
- Chi phí vật liệu quản lý	1.003.632	248.418.500
- Chi phí đồ dùng văn phòng	950.158.802	112.097.501
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.211.009.073	3.899.739.864
- Thuế, phí và lệ phí	1.809.198.080	1.979.474.544
- Chi phí dự phòng	30.084.106.995	28.000.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.422.140.872	4.368.967.877
- Chi phí bằng tiền khác	41.716.167.309	39.643.075.619
Cộng	103.672.344.790	94.538.507.085

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	118.181.818	-
- Các khoản thu khác	228.723.640	299.362.000
Cộng	346.905.458	299.362.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	-	4.914.591.500
- Chi phí khác	134.580.363	-
Cộng	134.580.363	4.914.591.500

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	87.682.571.735	77.039.903.093
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	87.682.571.735	77.039.903.093

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận**Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm**

Điều chỉnh tăng LN sau thuế năm trước do điều chỉnh giảm Quỹ KT người quản lý năm 2017 theo CV 5267/UBND-TH ngày 03/12/2018 25.000.000

Lợi nhuận trước thuế năm nay 439.041.033.676

Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN -

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN 628.175.000

- Thu nhập từ lãi cổ tức 628.175.000

Lợi nhuận chịu thuế năm nay 438.412.858.676

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 87.682.571.735

Tổng lợi nhuận sau thuế 351.383.461.941

- Trích bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi năm trước 59.231.679

- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành năm trước 165.526.557

- Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm nay 3.500.327.304

- Tạm trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành năm nay 250.425.000

- Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách Nhà nước 347.407.951.401

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm -

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.

3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trình bày: VND

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Phan Thị Yến Nhi
Người lập



Phan Võ Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Thúy
Chủ tịch Công ty
Bạc Liêu, ngày 19 tháng 02 năm 2019

